



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HUNG YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 35/2026/QĐ-UBND

Hung Yên, ngày 03 tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định phân công, phân cấp tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt, tổ chức quản lý quy hoạch đô thị và nông thôn; quản lý kiến trúc trên địa bàn tỉnh Hưng Yên

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 47/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 144/2025/QH15;

Căn cứ Luật Kiến trúc số 40/2019/QH14;

Căn cứ Nghị định số 85/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kiến trúc;

Căn cứ Nghị định số 140/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 144/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 145/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quy hoạch đô thị và nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 178/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 34/2026/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 18/2025/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch đô thị và nông thôn được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức lập;

Căn cứ Thông báo số 176/TB-UBND ngày 21 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh thông báo Kết luận của đồng chí Nguyễn Mạnh Quyền, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tại cuộc họp giao ban ngày ngày 19 tháng 6 năm 2026;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 148/TTr-SXD ngày 05 tháng 6 năm 2026;

Ủy ban nhân dân tỉnh Quyết định ban hành Quy định phân công, phân cấp tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt, tổ chức quản lý quy hoạch đô thị và nông thôn; quản lý kiến trúc trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định phân công, phân cấp tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt, tổ chức quản lý quy hoạch đô thị và nông thôn; quản lý kiến trúc trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 7 năm 2026.

2. Quyết định này thay thế: Quyết định số 12/2022/QĐ-UBND ngày 15 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên ban hành Quy định phân cấp quản lý và phân công nhiệm vụ về lĩnh vực quy hoạch xây dựng, kiến trúc trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; Quyết định số 14/2023/QĐ-UBND ngày 30 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình quy định phân cấp quản lý kiến trúc trên địa bàn tỉnh Thái Bình; Quyết định số 30/2024/QĐ-UBND ngày 27 tháng 09 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên sửa đổi Quy định kèm theo các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh về phân cấp và phân công nhiệm vụ trong quản lý dự án đầu tư xây dựng, quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình; quản lý chất lượng công trình xây dựng; quy hoạch xây dựng, kiến trúc trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

Điều 3. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường thuộc tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Hùng Nam

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HUNG YÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Phân công, phân cấp tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt, tổ chức quản lý quy hoạch đô thị và nông thôn; quản lý kiến trúc trên địa bàn tỉnh Hưng Yên
(Kèm theo Quyết định số 35/2026/QĐ-UBND)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về phân công, phân cấp tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt, tổ chức quản lý quy hoạch đô thị và nông thôn; quản lý kiến trúc trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với cơ quan quản lý nhà nước và tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động quy hoạch đô thị và nông thôn và quản lý kiến trúc trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

Chương II

TỔ CHỨC LẬP, THẨM ĐỊNH, PHÊ DUYỆT QUY HOẠCH ĐÔ THỊ VÀ NÔNG THÔN

Điều 3. Ban hành kế hoạch kinh phí lập quy hoạch đô thị và nông thôn

1. Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch tại Điều 7 Quy định này ban hành kế hoạch kinh phí lập quy hoạch đô thị và nông thôn thuộc thẩm quyền phê duyệt của mình. Kế hoạch kinh phí lập quy hoạch đô thị và nông thôn bao gồm danh mục dự án quy hoạch tương ứng.

2. Cơ quan có thẩm quyền thẩm định quy hoạch tại Điều 6 Quy định này tổng hợp, tham mưu cơ quan phê duyệt quy hoạch ban hành kế hoạch kinh phí lập quy hoạch đô thị và nông thôn.

3. Sở Xây dựng đề xuất, tổng hợp kế hoạch kinh phí lập các quy hoạch đô thị và nông thôn tại khoản 1 Điều 5 Quy định này. Cơ quan, đơn vị, tổ chức có trách nhiệm lập quy hoạch tại các khoản 2, 3, 4, 5, 6, 7 Điều 5 Quy định này đề xuất với cơ quan ban hành kế hoạch kinh phí lập quy hoạch đô thị và nông thôn thông qua cơ quan tổng hợp kế hoạch tại khoản 2 Điều này để đưa quy hoạch thuộc trách nhiệm lập của mình vào kế hoạch kinh phí lập quy hoạch đô thị và nông thôn.

4. Các quy hoạch phát sinh ngoài kế hoạch kinh phí lập quy hoạch đô thị và nông thôn do nhu cầu quản lý quy hoạch đô thị và nông thôn của từng địa

phương, đơn vị được cơ quan, đơn vị, tổ chức lập quy hoạch đề xuất, cơ quan tổng hợp kế hoạch tham mưu, cơ quan ban hành kế hoạch xem xét, bổ sung.

5. Căn cứ kế hoạch kinh phí lập quy hoạch đô thị và nông thôn được ban hành, cơ quan, đơn vị, tổ chức lập quy hoạch có trách nhiệm bố trí hoặc đề xuất với cấp có thẩm quyền bố trí nguồn vốn lập quy hoạch theo quy định về quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước và pháp luật liên quan.

Điều 4. Các trường hợp lập quy hoạch đô thị và nông thôn trên địa bàn tỉnh Hưng Yên

1. Quy hoạch chung đô thị được lập cho khu vực phát triển đô thị không nằm hoàn toàn trong phạm vi quy hoạch của khu kinh tế, gồm: Nhiều phường liền kề nhau hoặc một phường độc lập (không có phường liền kề xung quanh); nhiều phường liền kề nhau hoặc một phường độc lập (không có phường liền kề xung quanh) và phạm vi của xã liền kề, trong đó toàn bộ phạm vi lập quy hoạch đáp ứng các điều kiện diện tích tối thiểu 50 km², mật độ dân số tối thiểu 300 người/km² và tỷ lệ lao động phi nông nghiệp tối thiểu 30%; khu vực có phạm vi quy hoạch tối thiểu theo địa giới đơn vị hành chính cấp xã, được xác định là đô thị mới.

2. Quy hoạch chung khu chức năng được lập cho khu kinh tế.

3. Quy hoạch chung nông thôn được lập cho xã không thuộc khoản 1 Điều này và có địa giới hành chính không nằm hoàn toàn trong phạm vi quy hoạch của khu kinh tế.

4. Quy hoạch phân khu được lập cho các khu vực sau:

a) Khu vực thuộc quy hoạch chung đô thị, quy hoạch chung khu kinh tế được xác định trong kế hoạch thực hiện quy hoạch chung đô thị, quy hoạch chung khu kinh tế theo quy mô diện tích được xác định trên cơ sở cấu trúc không gian tại quy hoạch chung đã được phê duyệt và do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

b) Khu vực được xác định trên cơ sở quy hoạch chung để triển khai dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật theo pháp luật về xây dựng, trừ trường hợp quy định tại điểm d khoản 5 Điều này.

c) Khu chức năng không phải là khu kinh tế, được xác định theo quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, có quy mô diện tích tối thiểu 200 ha hoặc xác định có mục tiêu, yêu cầu đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật theo pháp luật về xây dựng.

d) Khu vực thuộc đô thị, khu kinh tế đã có quy hoạch chung được phê duyệt trước ngày 01/7/2025, chưa hết thời hạn quy hoạch chung và cần thiết phải lập quy hoạch phân khu. Việc lập, thẩm định, phê duyệt, rà soát, điều chỉnh quy hoạch phân khu được tiếp tục thực hiện trong thời hạn 02 năm kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025 và thực hiện theo quy định của Luật số 47/2024/QH15, Luật số 144/2025/QH15.

5. Quy hoạch chi tiết được lập cho các khu vực sau, trừ trường hợp lập quy hoạch tổng mặt bằng theo khoản 6 Điều này:

a) Khu vực thuộc quy hoạch phân khu đã được phê duyệt.

b) Khu vực thuộc quy hoạch chung đã được phê duyệt đối với trường hợp không quy định lập quy hoạch phân khu.

c) Khu chức năng được xác định theo quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, không thuộc quy mô và yêu cầu theo quy định tại điểm c khoản 4 Điều này.

d) Cụm công nghiệp; khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn được xác định, hình thành theo chương trình mục tiêu quốc gia.

6. Quy hoạch tổng mặt bằng được lập cho lô đất thực hiện 01 dự án đầu tư xây dựng do 01 chủ đầu tư hoặc cơ quan nhà nước thực hiện. Lô đất được giới hạn bởi các tuyến đường giao thông, các đường ranh giới tự nhiên, nhân tạo như hồ, ao, đầm, sông, kênh, cây xanh cách ly, hành lang an toàn môi trường, hành lang an toàn lưới điện, hành lang an toàn cầu, đường bộ. Lô đất được xác định theo quy hoạch phân khu đã được phê duyệt hoặc theo quy hoạch chung đã được phê duyệt trong trường hợp không quy định lập quy hoạch phân khu, có quy mô quy định tại điểm a khoản 3 Điều 10 Nghị định số 178/2025/NĐ-CP của Chính phủ, được sửa đổi, bổ sung bởi Điều 7 Nghị định số 34/2026/NĐ-CP của Chính phủ.

Điều 5. Trách nhiệm tổ chức lập nhiệm vụ quy hoạch, quy hoạch đô thị và nông thôn

1. Ủy ban nhân dân tỉnh giao Sở Xây dựng, cơ quan, đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức lập nhiệm vụ quy hoạch, quy hoạch sau:

a) Quy hoạch chung đô thị tại khoản 1 Điều 4 Quy định này, có phạm vi quy hoạch liên quan đến địa giới hành chính của từ 02 đơn vị hành chính cấp xã trở lên.

b) Quy hoạch phân khu có phạm vi quy hoạch liên quan đến địa giới đơn vị hành chính của từ 02 đơn vị hành chính cấp xã trở lên, trừ các quy hoạch: Quy hoạch phân khu khu chức năng thuộc trách nhiệm lập của các Sở chuyên ngành, Ban Quản lý khu kinh tế và các khu công nghiệp tỉnh, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh, Ban Quản lý Khu đại học Phố Hiến, quy hoạch tại khoản 7 Điều này.

c) Quy hoạch chi tiết có phạm vi quy hoạch liên quan đến địa giới hành chính của 02 đơn vị hành chính cấp xã trở lên, trừ các quy hoạch: Quy hoạch chi tiết thuộc trách nhiệm lập của các Sở chuyên ngành, Ban Quản lý khu kinh tế và các khu công nghiệp tỉnh, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh, Ban Quản lý Khu đại học Phố Hiến, quy hoạch tại khoản 7 Điều này.

d) Quy hoạch chung, quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết khu vực có ý nghĩa quan trọng quốc gia về chính trị, văn hóa, lịch sử, an ninh, quốc phòng được xác định trong quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng do Thủ tướng Chính phủ giao.

2. Các Sở chuyên ngành tổ chức lập nhiệm vụ quy hoạch, quy hoạch sau:

Quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết khu chức năng có phạm vi quy hoạch liên quan đến địa giới chính của 02 đơn vị hành chính cấp xã trở lên, có liên quan đến lĩnh vực quản lý chuyên ngành được Ủy ban nhân dân tỉnh giao, trừ các quy hoạch: Quy hoạch thuộc trách nhiệm lập của Ban Quản lý khu kinh tế và

các khu công nghiệp tỉnh, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh, Ban Quản lý Khu đại học Phố Hiến, quy hoạch tại khoản 7 Điều này.

3. Ban Quản lý khu kinh tế và các khu công nghiệp tỉnh tổ chức lập nhiệm vụ quy hoạch, quy hoạch sau:

a) Quy hoạch chung khu kinh tế.

b) Quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết các khu chức năng được quy định tại khoản 5 Điều 2 Luật số 47/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi điểm b khoản 1 Điều 1 Luật số 144/2025/QH15 nằm trong khu kinh tế, quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết có phạm vi quy hoạch liên quan đến địa giới đơn vị hành chính của từ 02 đơn vị hành chính cấp xã trở lên nằm trong khu kinh tế, quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết khu công nghiệp được giao quản lý, trừ quy hoạch tại khoản 7 Điều này.

4. Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh tổ chức lập nhiệm vụ quy hoạch, quy hoạch sau:

Quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết khu công nghiệp không nằm trong khu kinh tế, không thuộc phạm vi quản lý của Ban Quản lý khu kinh tế và các khu công nghiệp tỉnh, trừ quy hoạch tại khoản 7 Điều này.

5. Ban Quản lý Khu đại học Phố Hiến tổ chức lập nhiệm vụ quy hoạch, quy hoạch sau:

Quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết Khu đại học Phố Hiến, trừ quy hoạch thuộc trách nhiệm lập của Ủy ban nhân dân cấp xã và cơ quan, tổ chức có chức năng quản lý đầu tư xây dựng, đất đai, nhà đầu tư, cơ quan được giao đầu tư tại khoản 6, 7 Điều này.

6. Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức lập nhiệm vụ quy hoạch, quy hoạch sau:

a) Quy hoạch chung đô thị có phạm vi quy hoạch chỉ thuộc phạm vi địa giới đơn vị hành chính do mình quản lý, quy hoạch chung xã.

b) Quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết chỉ thuộc phạm vi địa giới đơn vị hành chính do mình quản lý, trừ các quy hoạch: Quy hoạch thuộc trách nhiệm lập của Ban Quản lý khu kinh tế và các khu công nghiệp tỉnh, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh, quy hoạch tại khoản 7 Điều này.

7. Cơ quan, tổ chức có chức năng quản lý đầu tư xây dựng, đất đai tổ chức lập quy hoạch phân khu hoặc quy hoạch chi tiết, quy hoạch tổng mặt bằng khi được Ủy ban nhân dân tỉnh giao. Nhà đầu tư, cơ quan được giao đầu tư lập quy hoạch phân khu chức năng, quy hoạch chi tiết, quy hoạch tổng mặt bằng khu vực đã được xác định để thực hiện dự án đầu tư.

Điều 6. Thẩm quyền thẩm định nhiệm vụ quy hoạch, quy hoạch đô thị và nông thôn

1. Sở Xây dựng thẩm định nhiệm vụ quy hoạch, quy hoạch đô thị và nông thôn thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Cơ quan chuyên môn về quy hoạch đô thị và nông thôn thuộc Ban Quản lý khu kinh tế và các khu công nghiệp tỉnh, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh

thẩm định nhiệm vụ quy hoạch, quy hoạch đô thị và nông thôn thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ban Quản lý khu kinh tế và các khu công nghiệp tỉnh, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh.

3. Cơ quan chuyên môn về quy hoạch đô thị và nông thôn thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã thẩm định nhiệm vụ quy hoạch, quy hoạch đô thị và nông thôn thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp xã.

Điều 7. Thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch, quy hoạch đô thị và nông thôn

1. Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch, quy hoạch sau:

a) Quy hoạch chung đô thị, quy hoạch chung xã, trừ trường hợp điều chỉnh cục bộ thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp xã quy định tại điểm a khoản 5 Điều này.

b) Điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung khu kinh tế.

c) Quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết có phạm vi quy hoạch liên quan đến địa giới đơn vị hành chính của từ 02 đơn vị hành chính cấp xã trở lên, trừ trường hợp điều chỉnh cục bộ thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp xã quy định tại điểm a khoản 5 Điều này và quy hoạch thuộc thẩm quyền phê duyệt, chấp thuận của Ban Quản lý khu kinh tế và các khu công nghiệp tỉnh, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hưng Yên, Sở Xây dựng.

d) Quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết của khu vực có quy mô và vai trò, ý nghĩa quan trọng của tỉnh về chính trị, văn hóa, lịch sử, an ninh, quốc phòng, thúc đẩy phát triển kinh tế do Ủy ban nhân dân tỉnh xác định trên cơ sở quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, trừ trường hợp điều chỉnh cục bộ thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp xã quy định tại điểm a khoản 5 Điều này.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền cho Sở Xây dựng chấp thuận quy hoạch tổng mặt bằng có phạm vi quy hoạch liên quan đến địa giới đơn vị hành chính của từ 02 đơn vị hành chính cấp xã trở lên, trừ quy hoạch tổng mặt bằng thuộc thẩm quyền chấp thuận của Ban Quản lý khu kinh tế và các khu công nghiệp tỉnh, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hưng Yên.

3. Ban Quản lý khu kinh tế và các khu công nghiệp tỉnh phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch, quy hoạch, chấp thuận quy hoạch tổng mặt bằng sau:

a) Phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch, quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết khu chức năng nêu tại khoản 5 Điều 2 Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 47/2024/QH15, được sửa đổi, bổ sung bởi điểm b khoản 1 Điều 1 Luật số 144/2025/QH15 nằm trong khu kinh tế và nhiệm vụ quy hoạch, quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết có phạm vi quy hoạch liên quan đến địa giới đơn vị hành chính của từ 02 đơn vị hành chính cấp xã nằm trong khu kinh tế trở lên.

b) Phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch, quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết khu công nghiệp được giao quản lý.

c) Chấp thuận quy hoạch tổng mặt bằng của các lô đất thực hiện dự án nằm trong khu vực có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch chi tiết nêu tại điểm a, điểm b khoản này.

4. Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hưng Yên phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch, quy hoạch, chấp thuận quy hoạch tổng mặt bằng sau:

a) Phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch, quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết khu công nghiệp không nằm trong Khu kinh tế, không thuộc phạm vi quản lý của Ban Quản lý khu kinh tế và các khu công nghiệp tỉnh.

b) Chấp thuận quy hoạch tổng mặt bằng của các lô đất thực hiện dự án nằm trong khu vực có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch chi tiết nêu tại điểm a khoản này.

5. Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch, quy hoạch, chấp thuận quy hoạch tổng mặt bằng sau:

a) Phê duyệt điều chỉnh cục bộ đối với các quy hoạch đô thị và nông thôn thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh mà nội dung điều chỉnh cục bộ thuộc phạm vi địa giới đơn vị hành chính cấp xã do mình quản lý.

b) Phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch, quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết chỉ thuộc phạm vi địa giới đơn vị hành chính do mình quản lý, trừ quy hoạch thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh tại điểm d khoản 1 Điều này, quy hoạch thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ban Quản lý khu kinh tế và các khu công nghiệp tỉnh, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hưng Yên.

c) Chấp thuận quy hoạch tổng mặt bằng của các lô đất thực hiện dự án nằm trong khu vực có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch chi tiết nêu tại điểm b khoản này.

Chương III

TỔ CHỨC QUẢN LÝ QUY HOẠCH ĐÔ THỊ VÀ NÔNG THÔN

Điều 8. Trách nhiệm công bố quy hoạch

1. Cơ quan, đơn vị, tổ chức lập quy hoạch tại Điều 5 Quy định này có trách nhiệm tổ chức công bố công khai quy hoạch do mình tổ chức lập, trừ trường hợp tại khoản 2 Điều này.

2. Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch tại Điều 7 Quy định này tổ chức công bố công khai quy hoạch do chủ đầu tư tổ chức lập.

Điều 9. Lập, ban hành kế hoạch thực hiện quy hoạch chung

1. Căn cứ quy hoạch chung đã được phê duyệt, cơ quan lập quy hoạch chung tại Điều 5 Quy định này có trách nhiệm lập kế hoạch thực hiện quy hoạch chung.

2. Cơ quan có thẩm quyền thẩm định quy hoạch tại Điều 6 Quy định này tổng hợp, tham mưu cơ quan phê duyệt quy hoạch ban hành kế hoạch thực hiện quy hoạch chung.

3. Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch tại Điều 7 Quy định này ban hành kế hoạch thực hiện quy hoạch chung.

Điều 10. Cẩm mốc theo quy hoạch

1. Căn cứ quy hoạch đô thị và nông thôn được duyệt, cơ quan, đơn vị, tổ chức lập quy hoạch tại Điều 5 Quy định này có trách nhiệm lập, trình thẩm định hồ sơ cẩm mốc và tổ chức thực hiện cẩm mốc ngoài thực địa hoặc áp dụng công nghệ thông tin.

2. Cơ quan có thẩm quyền thẩm định quy hoạch tại Điều 6 Quy định này thẩm định hồ sơ cẩm mốc.

3. Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch tại Điều 7 Quy định này phê duyệt hồ sơ cẩm mốc.

Điều 11. Trách nhiệm cung cấp thông tin về quy hoạch

1. Cơ quan, đơn vị có thẩm quyền thẩm định quy hoạch tại khoản 1, khoản 3 Điều 6 Quy định này có trách nhiệm cung cấp thông tin về quy hoạch đô thị và nông thôn đã được phê duyệt cho cơ quan, tổ chức, cá nhân khi có yêu cầu.

2. Ban Quản lý khu kinh tế và các khu công nghiệp tỉnh, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh có trách nhiệm cung cấp thông tin về quy hoạch đô thị và nông thôn do mình phê duyệt.

Chương IV

TỔ CHỨC LẬP, THẨM ĐỊNH, PHÊ DUYỆT DANH MỤC CÔNG TRÌNH KIẾN TRÚC CÓ GIÁ TRỊ

Điều 12. Trường hợp lập danh mục công trình kiến trúc có giá trị

1. Công trình kiến trúc có giá trị trong Quy định này là công trình kiến trúc có giá trị chưa được xếp hạng di tích lịch sử - văn hóa.

2. Công trình kiến trúc có giá trị được rà soát, đánh giá hàng năm và lập danh mục để tổ chức quản lý.

Điều 13. Trách nhiệm tổ chức lập danh mục công trình kiến trúc có giá trị

Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức lập danh mục công trình kiến trúc có giá trị thuộc địa bàn quản lý trình thẩm định, phê duyệt theo quy định.

Điều 14. Thẩm quyền thẩm định, phê duyệt danh mục công trình kiến trúc có giá trị

1. Hội đồng thẩm định danh mục công trình kiến trúc có giá trị (được thành lập theo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh) có trách nhiệm thẩm định danh mục công trình kiến trúc có giá trị trên địa bàn toàn tỉnh.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã căn cứ kết quả thẩm định của Hội đồng thẩm định, tiếp thu, giải trình và hoàn chỉnh hồ sơ, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt danh mục công trình kiến trúc có giá trị.

Chương V **TỔ CHỨC LẬP, THẨM ĐỊNH,** **PHÊ DUYỆT QUY CHẾ QUẢN LÝ KIẾN TRÚC**

Điều 15. Trường hợp lập quy chế quản lý kiến trúc

1. Quy chế quản lý kiến trúc được lập cho các đô thị đã được công nhận phân loại đô thị, đô thị mới trên địa bàn tỉnh theo Quy hoạch chung, Quy hoạch phân khu được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

2. Quy chế quản lý kiến trúc được lập cho khu vực xây dựng được xác định trong quy hoạch chung xã sau khi có Quy hoạch chi tiết được Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt.

Điều 16. Trách nhiệm tổ chức lập quy chế quản lý kiến trúc

1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao Sở Xây dựng, cơ quan, đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức lập quy chế quản lý kiến trúc đô thị nằm trên địa bàn của 02 đơn vị hành chính cấp xã trở lên.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức lập Quy chế quản lý kiến trúc đô thị, quy chế quản lý kiến trúc điểm dân cư nông thôn thuộc địa bàn quản lý trình thẩm định, phê duyệt, ban hành theo quy định.

3. Trình tự, thủ tục các bước lập Quy chế quản lý kiến trúc thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị định số 85/2020/NĐ-CP của Chính phủ.

Điều 17. Thẩm quyền thẩm định quy chế quản lý kiến trúc

1. Sở Xây dựng tổ chức thẩm định quy chế quản lý kiến trúc đô thị trên địa bàn tỉnh.

2. Cơ quan chuyên môn có chức năng quản lý kiến trúc thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức thẩm định quy chế quản lý kiến trúc điểm dân cư nông thôn.

Điều 18. Thẩm quyền phê duyệt quy chế quản lý kiến trúc

1. Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, ban hành Quy chế quản lý kiến trúc đô thị trên địa bàn tỉnh.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt, ban hành Quy chế quản lý kiến trúc điểm dân cư nông thôn trên địa bàn tỉnh.

Điều 19. Rà soát, điều chỉnh Quy chế quản lý kiến trúc

Cơ quan tổ chức lập Quy chế quản lý kiến trúc tại Điều 17 Quy định này có trách nhiệm tổ chức lập điều chỉnh Quy chế quản lý kiến trúc theo quy định. Việc rà soát, đánh giá điều chỉnh Quy chế quản lý kiến trúc thực hiện theo Điều 14 Nghị định số 85/2020/NĐ-CP.

Chương VI

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 20. Trách nhiệm của các Sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Sở Xây dựng chủ trì thực hiện:

a) Phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan triển khai thực hiện Quy định này.

b) Xây dựng hướng dẫn triển khai thực hiện việc lập, thẩm định, phê duyệt, tổ chức quản lý quy hoạch đô thị và nông thôn; quản lý kiến trúc trên địa bàn tỉnh.

2. Các sở, ban, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm triển khai phổ biến Quy định này đến các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến lĩnh vực chuyên ngành và trên địa bàn quản lý; định kỳ 01 năm tổng hợp gửi Sở Xây dựng kết quả thực hiện.

Điều 21. Điều khoản thi hành

1. Trường hợp các quy định viện dẫn trong Quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế các quy định đó.

2. Quy định về xử lý chuyển tiếp trong công tác lập, thẩm định, phê duyệt, tổ chức quản lý quy hoạch đô thị và nông thôn, quản lý kiến trúc được thực hiện theo quy định xử lý chuyển tiếp tại các văn bản quy phạm pháp luật: Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 47/2024/QH15; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 144/2025/QH15; Luật Kiến trúc số 40/2019/QH14; Nghị định số 85/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kiến trúc; Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; Nghị định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn; Nghị định số 34/2026/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan kịp thời phản ánh về Sở Xây dựng để nghiên cứu, tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.